

TỔNG QUAN KINH TẾ VĨ MÔ CỦA NHÓM CÁC NƯỚC MỚI NỔI VÀ ĐANG PHÁT TRIỂN NĂM 2020, TRIỂN VỌNG NĂM 2021

ThS. Nguyễn Thị Thúy Linh *

Hoàng Thị Hương **

Một số điểm nhấn

(i) Các quốc gia châu Á đang có hiện trạng tương đối tốt, trong khi các quốc gia châu Mỹ Latinh là những nước dễ bị tổn thương nhất, đứng đầu bảng xếp hạng là Argentina.

(ii) Mỗi nền kinh tế thuộc nhóm các nước mới nổi phục hồi nhưng với tốc độ khác nhau và có sự phân hóa rõ rệt, từ mức tăng trưởng dương một con số như Trung Quốc, Việt Nam đến mức tăng trưởng âm hai con số như Chile, Philippines trong Quý III/2020.

(iii) Mức nợ công đang tăng cao ở tất cả các nền kinh tế, cho thấy dư địa của chính sách tài khóa trong thời gian tới bị hạn chế.

(iv) Xét về tiền tệ, Peso của Philippines, Forint của Hungary và Peso của Chile đang hoạt động khá tốt trong khi Ruble của Nga (RUB) và Rupee của Ấn Độ yếu hơn, cho thấy tính dễ bị tổn thương ở các quốc gia này cao hơn.

(v) Trong trung hạn, nhiều khả năng đồng tiền của các nước mới nổi sẽ tương đối mạnh do USD yếu đi và kinh tế toàn cầu phục hồi. Nhưng nếu rủi ro giảm giá xảy ra, đồng nội tệ của các quốc gia này rất dễ bị tổn thương và sẽ bị ảnh hưởng nặng nề nhất.

(vi) Theo nghiên cứu của Bloomberg, Thái Lan và Nga được dự báo là hai trong số các nền kinh tế mới nổi kỳ vọng phục hồi mạnh mẽ.

1. Kinh tế phục hồi nhưng có sự phân hóa rõ rệt

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 bùng phát và lan rộng khắp toàn cầu, ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế toàn cầu nói chung và nhóm các nước mới nổi nói riêng, quan sát số liệu tăng trưởng GDP của

các nước, có bằng chứng cho thấy, tốc độ phục hồi giữa các nước là tương đối khác nhau và có sự phân hóa rõ nét. Trung Quốc và Việt Nam là hai nước có mức tăng trưởng tích cực trong khi Philippines và Chile vẫn đang cho thấy mức giảm hai con số trong Quý III/2020 so với cùng kỳ. Theo số liệu mới nhất, tăng trưởng GDP cả

năm 2020 của Việt Nam mặc dù tăng thấp do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, chỉ tăng 2,91% nhưng thuộc nhóm cao nhất thế giới. Đồ thị 1 cho thấy, nền kinh tế có mức tăng trưởng nhanh nhất trong Quý III/2020 ở bên trái và mức chậm nhất ở bên phải. Sự khác biệt về tốc độ phục hồi giữa các nước này có thể đến từ một số yếu tố như:

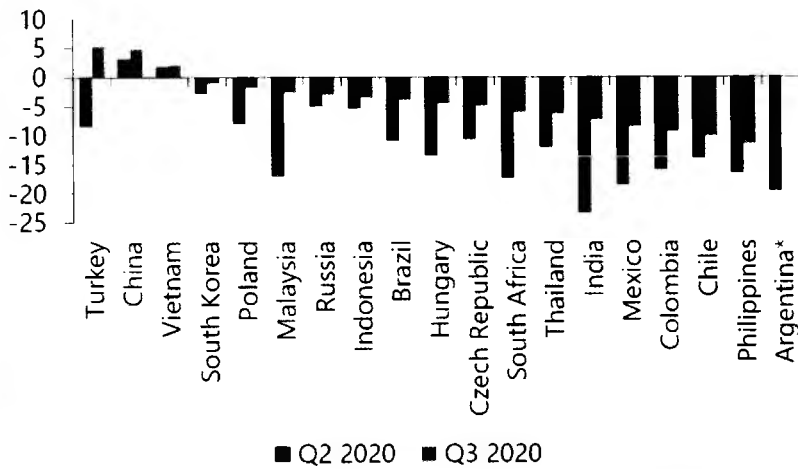
* Vụ Chính sách tiền tệ - NHNN

** Trường Đại học Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp



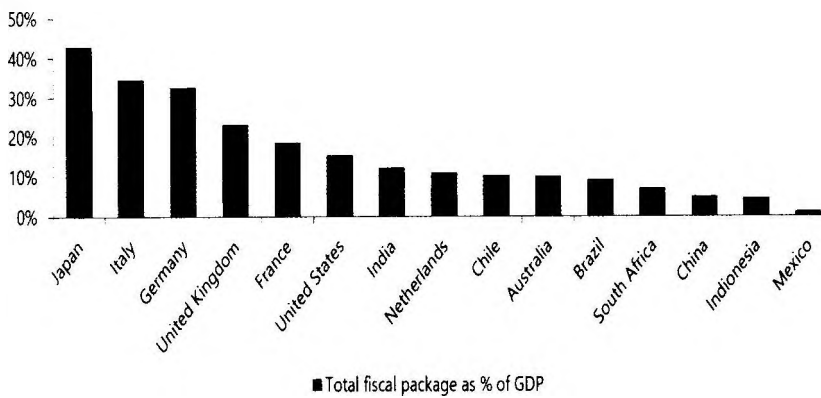
Chuyên mục này do Ngân hàng Thương mại cổ phần Quân đội tài trợ

Đồ thị 1: Các nền kinh tế đang phục hồi với tốc độ khác nhau
Tăng trưởng GDP (% v/v)



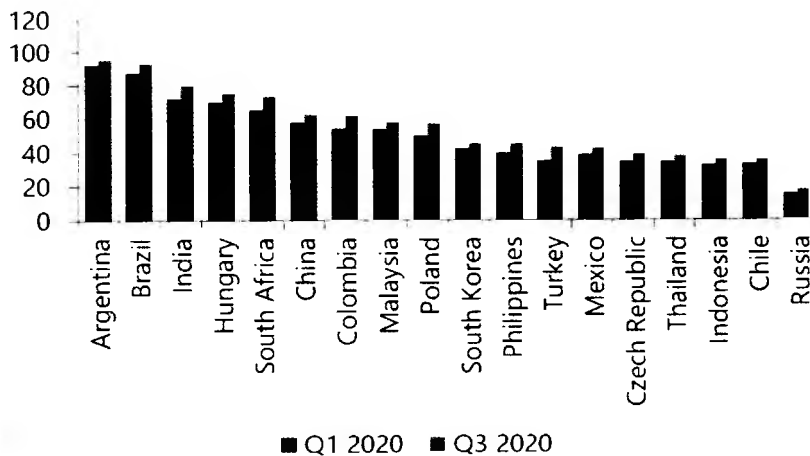
Nguồn: Macrobond, OECD, * Argentina chưa có kết quả quý 3

Đồ thị 2: Tổng quy mô các gói kích thích tài khóa (% GDP)



Nguồn: Tính toán của RaboResearch tháng 12/2020

Đồ thị 3: Tỷ lệ nợ công/GDP gia tăng đáng kể



Nguồn: IIF (EM global debt monitor)

(i) Điều đầu tiên và quan trọng nhất chính là mức độ kiểm soát và ngăn chặn dịch bệnh. Đây là lý do giải thích tại sao Trung Quốc hiện đang hoạt động trở lại tương đối tốt (quốc gia này khá thành công trong việc ngăn chặn dịch bệnh); (ii) Các yếu tố khác cũng ảnh hưởng đến sự phục hồi kinh tế, phụ thuộc vào đặc điểm, hiện trạng, hoàn cảnh kinh tế của mỗi nước. Ví dụ, Philippines và Thái Lan là hai nước phụ thuộc nhiều vào du lịch và bị ảnh hưởng nặng nề do các nước đóng cửa biên giới nhằm ngăn chặn sự lây lan của virus SARS - CoV-2. Malaysia và Trung Quốc đang xuất khẩu thiết bị y tế hoặc điện tử và có thể hưởng lợi từ việc nhu cầu đối với những sản phẩm này tăng lên do hậu quả của đại dịch Covid-19 và đóng cửa nền kinh tế. Tuy nhiên, những quốc gia hiện đang bị đóng cửa biên giới có thể kỳ vọng phục hồi nhanh chóng trở lại khi vaccine được sử dụng và phổ biến rộng rãi, cũng như du lịch quốc tế quay trở lại mức trước đại dịch Covid-19. (Đồ thị 1)

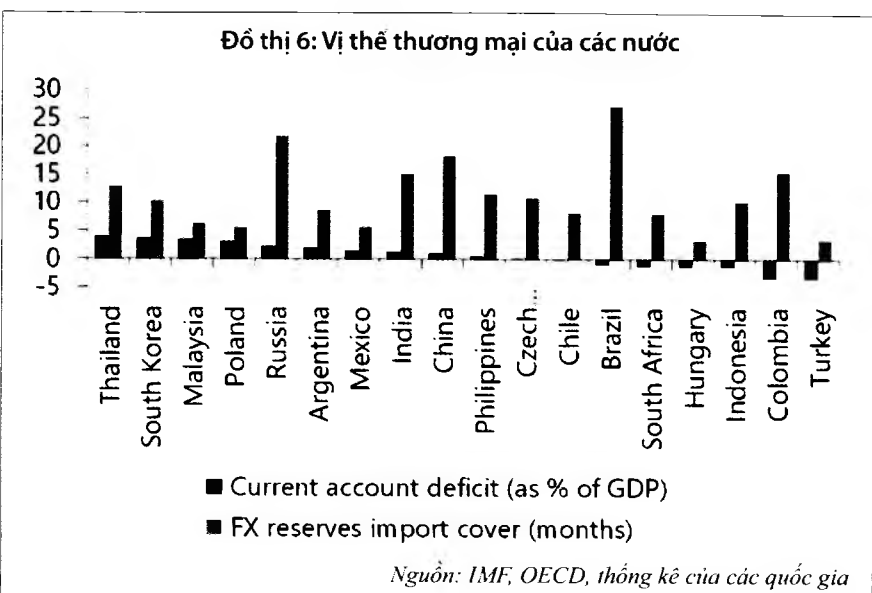
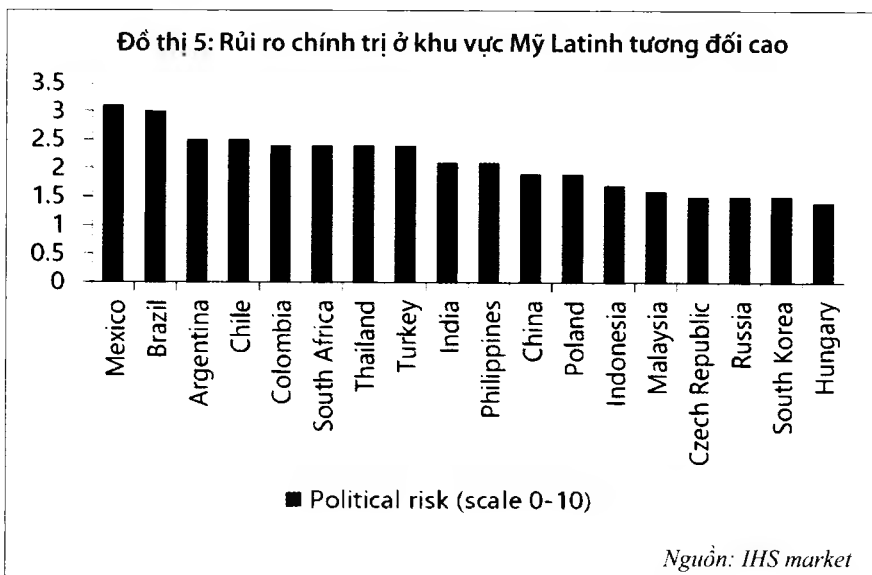
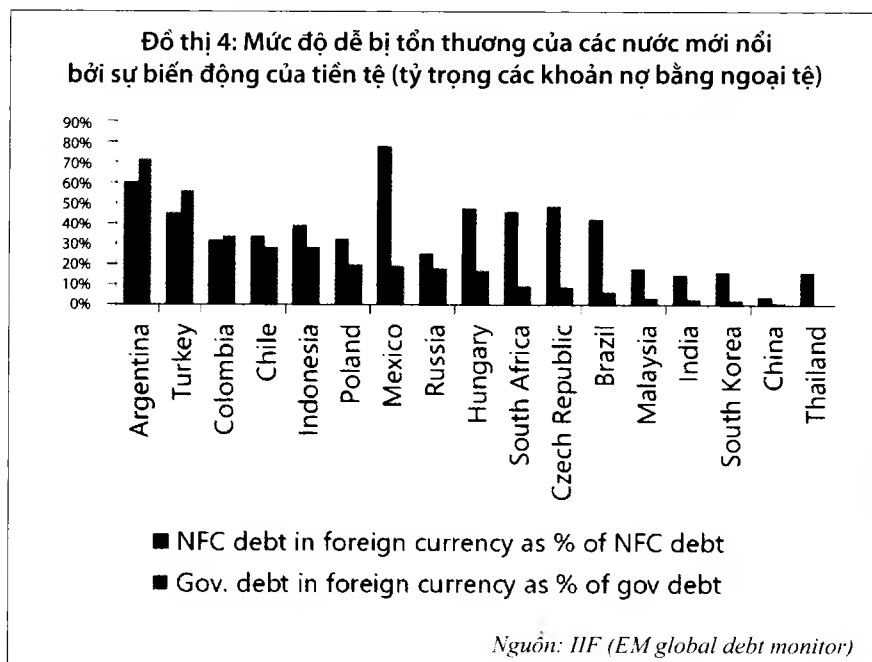
2. Tỷ lệ nợ công gia tăng đáng kể

Để hạn chế tối đa mức độ ảnh hưởng của đại dịch Covid-19, Chính phủ các nước đã đưa ra nhiều gói kích cầu lớn (xem Đồ thị 2). Tuy vậy, các biện pháp kích thích tài khóa bổ sung này đã làm gia tăng nợ công.

Đồ thị 3 cho thấy các quốc gia có nợ công lớn nhất tính theo % GDP được sắp xếp theo thứ tự từ trái sang phải. Các nước nổi bật là Argentina, Brazil và Ấn Độ. Nợ công tại các nước này đã tăng nhanh do thâm hụt tài khóa lớn để tài trợ cho các

gói hỗ trợ Covid-19, lần lượt: Argentina 6% GDP, Brazil 8,4% GDP và Ấn Độ 8,5% GDP. Trong thời gian tới, việc hạn chế thâm hụt ngân sách lớn sẽ giúp các Chính phủ giữ mức nợ công bền vững và giữ được dự địa tài khóa để kích thích nền kinh tế nếu cần. Mức nợ cao là một trong những hạn chế đối với tăng trưởng kinh tế trong tương lai. Mức nợ cao cũng sẽ hạn chế chi tiêu tài khóa trong tương lai vì một số lý do: (i) Phần ngân sách Chính phủ cao hơn cần được phân bổ để trả nợ thay vì dùng để kích thích nền kinh tế; (ii) Nợ cao hơn dẫn đến rủi ro vỡ nợ cao hơn; (iii) Mức nợ cao hơn có thể làm gia tăng mức lãi suất phát hành trái phiếu Chính phủ trong tương lai.

Một thước đo quan trọng khác để xem xét mức nợ của quốc gia là quốc gia đó có bao nhiêu khoản nợ bằng ngoại tệ. Các khoản nợ bằng ngoại tệ chiếm tỷ trọng lớn sẽ làm gia tăng nguy cơ biến động tiền tệ. Đồ thị 4 cho thấy Argentina, Thổ Nhĩ Kỳ và Indonesia có tỷ trọng nợ bằng ngoại tệ lớn nhất, điều này khiến họ nhạy cảm nhất với các biến động tiền tệ trong khu vực. Sự phụ thuộc vào vốn nước ngoài này hạn chế việc thiết lập các cơ chế tài khóa và tiền tệ mà có thể được sử dụng để kích thích nền kinh tế. Ví dụ, việc cắt giảm lãi suất ngân hàng trung ương (NHTW) làm mất giá đồng nội tệ, gián tiếp làm tăng mức nợ của Chính phủ tính theo đồng nội tệ. Các nước châu Á (Thái Lan, Trung Quốc, Hàn Quốc) đang có tỷ lệ nợ bằng ngoại tệ tương đối thấp.



3. Xếp hạng tổng thể các quốc gia theo Biểu đồ nhiệt - Heatmaps

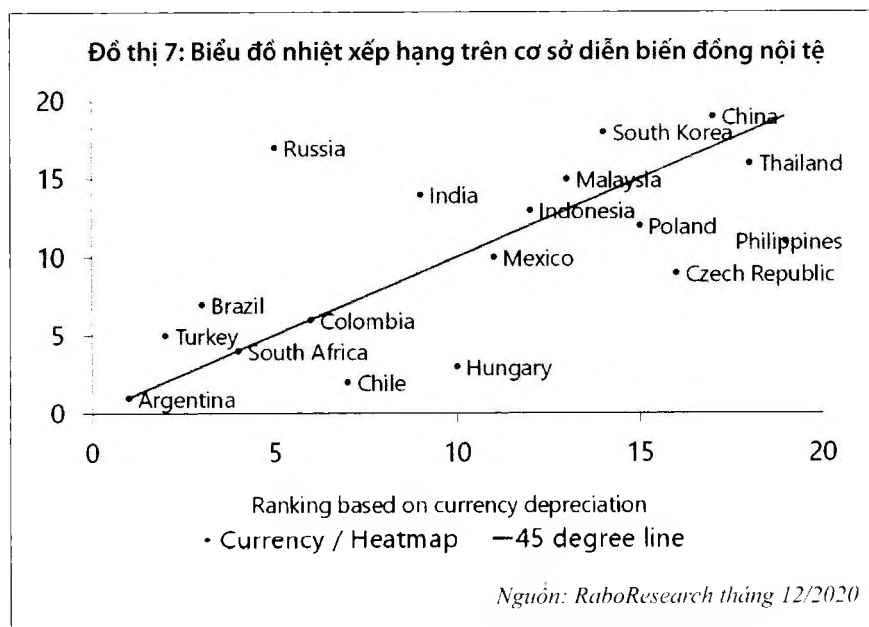
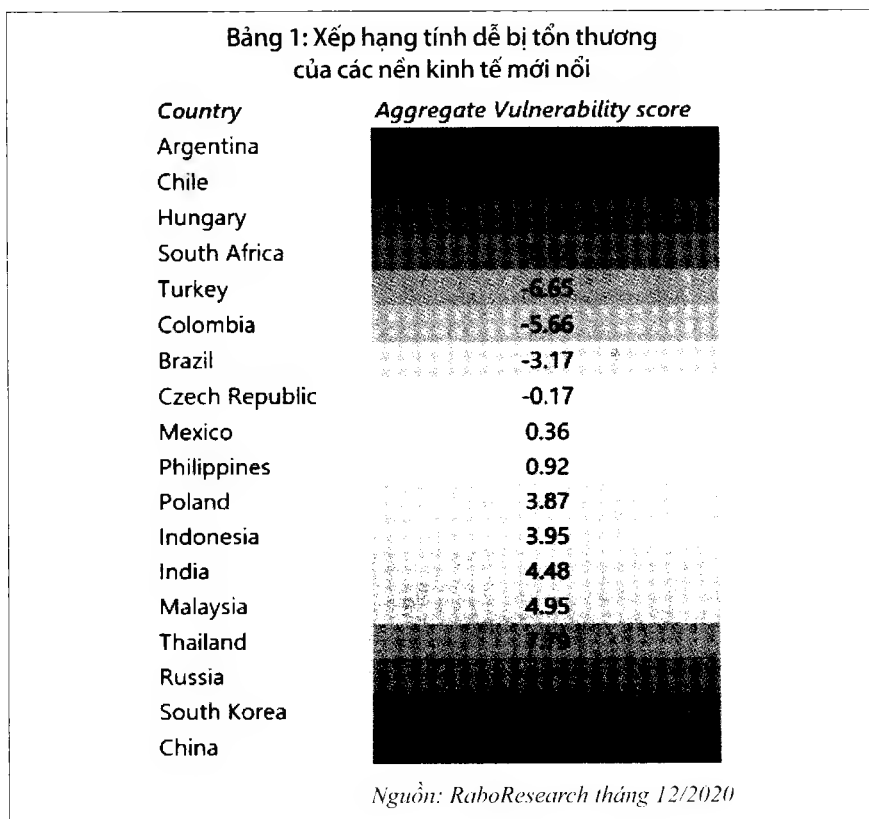
Tại Bảng 1, theo nghiên cứu của Rabo vào tháng 12/2020, các quốc gia ở trên cùng là những quốc gia dễ bị tổn thương nhất theo Biểu đồ nhiệt - Heatmaps. Về cơ bản, các quốc gia ở châu Á đang hoạt động khá tốt trong khi các quốc gia ở châu Mỹ Latinh cho thấy mức độ dễ bị tổn thương cao hơn. Như đã đề cập ở trên, Argentina, Thổ Nhĩ Kỳ và Chile là những quốc gia tương đối dễ bị tổn thương khi xét về tổng mức nợ. Đồng thời, Philippines, Chile, Colombia và Mexico đang phải vật lộn để phục hồi kinh tế sau suy thoái do đại dịch Covid-19 gây ra.

Bên cạnh hiệu quả kinh tế, chất lượng về thể chế cũng là một trong những yếu tố để xác định mức độ dễ bị tổn thương của mỗi quốc gia.

Đồ thị 5 cho thấy, chỉ số rủi ro chính trị ở các nước Mỹ Latinh cao hơn các nước ở châu Á, đồng nghĩa với việc mức độ dễ bị tổn thương cao hơn. Tuy nhiên, tất cả các nước đều tương đối thấp, mức điểm cao nhất là khoảng 3 điểm (Mexico và Brazil) trên thang điểm từ 0 - 10.

Cuối cùng, các số liệu liên quan đến thương mại cũng là một chỉ số kinh tế quan trọng.

Đồ thị 6 minh họa mức thặng dư cán cân vãng lai, tính theo % GDP (thặng dư lớn nhất tính từ trái sang phải) và dự trữ ngoại hối tính theo số tháng nhập khẩu. Các số liệu cho thấy vị thế thương mại tương đối vững chắc sẽ hỗ trợ cho vị trí của một quốc gia trong bảng xếp hạng tổng thể, đặc biệt là



trong trường hợp của Thái Lan, Hàn Quốc và Nga.

Xét về khía cạnh tiền tệ, nghiên cứu của Rabo tháng 12/2020 cho thấy có mối quan hệ giữa tính dễ bị tổn thương của nền kinh tế với sự mất giá của đồng nội tệ. Đồ thị 7 cho thấy mức độ xếp hạng của các nước dựa trên biến động của đồng nội tệ kể từ đầu năm 2020.

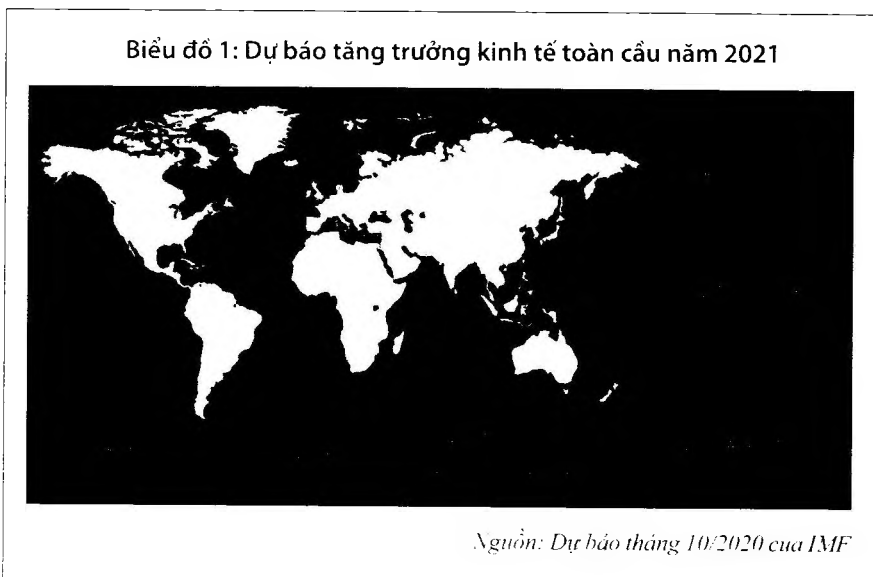
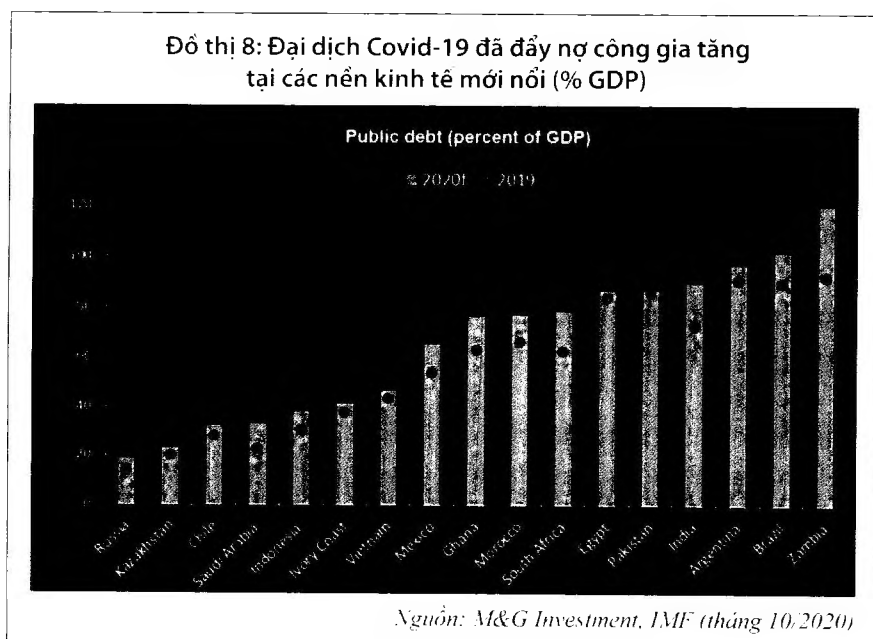
Các đồng tiền ở trên đường 45 độ (màu cam) là tương đối kém hiệu quả và ngược lại. Mặc dù các chỉ số này đưa ra sự so sánh dựa trên các yếu tố vĩ mô cơ bản, nhưng còn có các yếu tố quan trọng khác phải được xem xét khi đánh giá giá trị của các đồng tiền này, chẳng hạn như hoàn cảnh kinh tế hiện tại, các sự kiện toàn cầu và tâm lý nhà

đầu tư toàn cầu. Nếu tính theo cách này, có thể lý giải sự mạnh lên của Peso (Philippines) đến từ các yếu tố như: lượng kiều hối tăng lên và nhập khẩu hàng hóa giảm mạnh trong thời kỳ đại dịch và sự phục hồi sau các trận bão mạnh vào tháng 11/2020. Hoặc như RUB của Nga yếu đi có thể là do rủi ro chính sách đối ngoại và rủi ro liên quan đến từ các nhà đầu tư, đã hạn chế họ đầu tư vào tài sản bằng RUB.

4. Dự báo một số xu hướng chính trong năm 2021

Năm 2021, hoạt động tại các nền kinh tế mới nổi phụ thuộc hàng loạt các yếu tố đan xen: sự ngăn chặn và kiểm soát đại dịch, mức độ ổn định chính trị, sự thận trọng về ngân sách và chính sách của NHTW cũng như tâm lý của các nhà đầu tư toàn cầu. Nhìn một cách tổng thể, theo dự báo của Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF) (tháng 10/2020), nhóm các nền kinh tế mới nổi dự kiến có mức tăng trưởng tốt hơn nhóm các nền kinh tế phát triển (xem Biểu đồ 1).

Có khá nhiều điểm tích cực cho năm 2021 đối với triển vọng tăng trưởng của nhóm các nền kinh tế mới nổi. Nhận định này là hoàn toàn có cơ sở khi lãi suất toàn cầu dự kiến sẽ ở mức thấp trong thời gian dài. Ngoài ra, NHTW các nước sẽ tiếp tục có những điều chỉnh chính sách, song song với các biện pháp kích thích tài khóa bổ sung để phục hồi nền kinh tế. Điều này dự kiến tạo ra một bối cảnh tích cực cho các thị trường mới nổi. Tuy vậy, tâm lý thị trường sẽ trở nên thận trọng



hơn nếu có dấu hiệu cho thấy việc kích thích kinh tế dự kiến mờ nhạt dần.

Dự báo diễn biến của USD và dự kiến tác động

Theo nghiên cứu của Ngân hàng Thanh toán quốc tế (BIS) (tháng 12/2020), USD mạnh lên là tin xấu đối với các nền kinh tế mới nổi. Các nhà kinh tế của BIS - Boris Hofmann và Taejin Park đã đánh giá tác động về những thay đổi của tỷ giá danh nghĩa đa phương (NEER) đối với triển vọng tăng trưởng trung bình của các nền kinh tế thị trường mới nổi bằng

cách sử dụng dữ liệu của 21 quốc gia từ năm 1990 đến năm 2020. Nghiên cứu kết luận sự gia tăng 1 điểm phần trăm trong giá trị của USD có thể làm giảm triển vọng tăng trưởng hơn 0,3 điểm phần trăm; đồng thời, lực cản chính đối với các thị trường mới nổi từ USD mạnh lên là các điều kiện tài chính toàn cầu thắt chặt hơn. Diễn biến thực tế cho thấy gần 100 tỷ USD rút ra khỏi các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển tại Quý I/2020 trong bối cảnh USD lên giá mạnh hơn 10% (tương đương với số liệu thống kê của IMF¹)

và là mức rút vốn kỷ lục, gấp hơn 3 lần so với cùng giai đoạn thời kỳ khủng hoảng tài chính toàn cầu 2008 - 2009. Trong đó, riêng tháng 3/2020, lượng vốn rút ra khỏi thị trường mới nổi tương đương khoảng 83,3 tỷ USD.

Tuy vậy, năm 2021, các đồng tiền của thị trường mới nổi có cơ hội lên giá nhờ USD yếu - kết quả của chính sách cung cấp thanh khoản dồi dào của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) và NHTW châu Âu (ECB). Đổi lại, điều này cung cấp cho Chính phủ và NHTW các nước mới nổi nới lỏng chính sách để kích thích nền kinh tế. Sự khác biệt trong chính sách tiền tệ và chính sách tài khóa sẽ là một trong những nhân tố chính trong việc quyết định sự biến động của đồng tiền tại các nền kinh tế mới nổi.

Việc triển khai vaccine là một yếu tố quan trọng khác để góp phần thúc đẩy sự phục hồi kinh tế tại các quốc gia mới nổi. Nhóm các nước này sẽ được hưởng lợi từ việc các thị trường phát triển mở cửa, làm tăng nhu cầu toàn cầu về sản phẩm và hàng hóa, điều này sẽ mang lại lợi ích cho các nước sản xuất như Trung Quốc, Malaysia và các nước xuất khẩu hàng hóa như Indonesia và Brazil. Tương tự như vậy, việc mở cửa biên giới cho du lịch sẽ có lợi cho các nước như Philippines và Thái Lan.

Tuy nhiên, nếu dịch bệnh tái bùng phát hoặc niềm tin của các nhà đầu tư chuyên hướng có thể khiến đồng nội tệ của nhóm các quốc gia mới nổi và đang phát triển bị giảm giá. Nếu rủi

ro giảm giá xảy ra, đồng nội tệ của các quốc gia này rất dễ bị tổn thương và sẽ bị ảnh hưởng nặng nề nhất.

Nợ công/GDP gia tăng đáng kể

Trong số các nền kinh tế mới nổi, có 6 quốc gia đã bị hạ xếp hạng trong năm 2020, là quốc gia đã phải đối mặt với rủi ro nghiêm trọng về khả năng thanh toán trong năm 2019 như Argentina, Lebanon và Zambia và một số quốc gia bị ảnh hưởng đặc biệt bởi đại dịch như Ecuador, Belize và Suriname. Mặc dù rủi ro nợ đã tăng lên (xem Đồ thị 8) nhưng không cho thấy một cuộc khủng hoảng nợ có tính hệ thống sắp xảy ra. Các rủi ro là tương đối khác nhau giữa các quốc gia. Ví dụ, cả Brazil và Mexico đều có thâm hụt ngân sách lớn vào năm 2020, nhưng áp lực nợ rất khác nhau. Brazil dự kiến sẽ ổn định nợ công ở mức khoảng 103% GDP trong khi Mexico ở mức 65%. Theo một số nhà phân tích, tình trạng nợ công khổng lồ tại các nền kinh tế lớn là một dấu hiệu “bình thường mới” trong thời kỳ đại dịch Covid-19. Họ giải thích nợ công không thực sự là gánh nặng nghiêm trọng bởi NHTW các nước đã cắt giảm lãi suất dài hạn, mua trái phiếu để thúc đẩy tăng trưởng. Tuy nhiên, nếu đại dịch Covid-19 còn kéo dài hơn nữa, các nền kinh tế mới nổi dễ bị tổn thương về tài chính, từ đó có thể châm ngòi cho một cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu khác. Nợ công lớn chắc chắn đi kèm với rủi ro lớn, có thể trở thành gót chân Achilles của nền kinh tế toàn cầu, như IMF từng cảnh báo

nợ công là yếu tố dự báo quan trọng nhất về các cuộc khủng hoảng tài chính.

Các điểm nóng về địa chính trị khó có thể hạ nhiệt

Nhiều nhà đầu tư dự báo sẽ có sự thay đổi về chính sách đối ngoại của Mỹ trong thời gian tới, điều này có thể sẽ tác động tới các nền kinh tế mới nổi. Địa chính trị sẽ đóng một vai trò quan trọng đối với các nền kinh tế này, ảnh hưởng đến giá tài sản cũng như triển vọng đầu tư. Mặc dù căng thẳng địa chính trị có xu hướng giảm leo thang trong đại dịch Covid-19 nhưng có thể bùng phát trở lại.

Thái Lan và Nga được dự báo là hai trong số các nền kinh tế mới nổi kỳ vọng phục hồi mạnh mẽ

Theo một nghiên cứu của Bloomberg về 17 thị trường đang phát triển đánh giá triển vọng năm 2021 dựa trên 11 chỉ số về kinh tế và tài chính, Thái Lan đứng đầu danh sách, nhờ vào nguồn dự trữ vững mạnh và tiềm năng thu hút dòng vốn đầu tư, trong khi Nga đứng thứ hai nhờ các tài khoản đối ngoại và hồ sơ tài chính mạnh mẽ, RUB bị định giá thấp. Trung Quốc đạt điểm khá thấp, trong khi Brazil là nước tụt hậu do thâm hụt tài khóa ngày càng tăng và các lo ngại về nợ. (Bảng 2, 3)

Nhiều nền kinh tế thị trường mới nổi đã sẵn sàng để bù đắp thiệt hại kinh tế, đánh giá bằng các số liệu khác nhau do Bloomberg khảo sát. Dự trữ ngoại hối lành mạnh, đặc biệt là ở châu Á, tạo ra một bước đệm cho các cú sốc bên ngoài, nhưng chỉ số nợ/GDP tăng cao sẽ gây rủi ro về tính ổn định của những nền kinh tế mới nổi.

Có thể thấy, triển vọng tăng trưởng của nhóm các nước mới nổi và đang phát triển năm 2021 là tương đối khả quan và nhiều kỳ vọng để có thể tin tưởng kinh tế có thể phục hồi về mức trước đại dịch Covid-19. Tuy vậy, nhóm các nước này rất dễ bị tổn thương trước những biến cố trên toàn cầu, do đó, cần chuẩn bị những tấm đệm chính sách để có thể hạn chế và giảm thiểu tối đa các cú sốc bên ngoài.

5. Triển vọng kinh tế vĩ mô Việt Nam năm 2021

Các tổ chức quốc tế dự báo, kinh tế Việt Nam năm 2021 sẽ thuộc nhóm các nước có tốc độ tăng trưởng cao so với khu vực và thế giới, từ 4,5 - 8,0%² và có nhiều tín hiệu tương đối lạc quan.

Dự kiến Chính phủ và NHTW các nước tiếp tục bổ sung các gói kích thích tài khóa và tiền tệ quy mô lớn nhằm khôi phục kinh tế, kéo theo đó là nhu cầu tiêu dùng, hoạt động thương mại, đầu tư hồi phục, từ đó, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế trong nước thông qua kênh xuất khẩu, đầu tư, tiêu dùng... Ngoài ra, với lợi thế môi trường kinh tế vĩ mô ổn định, Việt Nam được dự báo sẽ là điểm thu hút đầu tư hấp dẫn trong khu vực.

Tuy nhiên, với diễn biến khó lường từ dịch bệnh cả trong nước và quốc tế, việc các nước tái áp dụng các biện pháp kiểm soát và phong tỏa trên phạm vi rộng có thể ảnh hưởng tiêu cực và khó lường tới triển vọng kinh tế năm 2021. Lạm phát trong nước (giá các hàng hóa cơ bản như dầu, lương thực, thực phẩm) được dự báo tiếp tục tăng trong năm 2021, do đó, điều hành chính sách tiền tệ và

Bảng 2: Bảng xếp hạng của Bloomberg dự báo triển vọng năm 2021 dựa trên chỉ số kinh tế

Ranking Table		ECONOMIC INDICATORS						
		2020 GDP GROWTH	2020 CURRENT ACCOUNT % GDP	2019 FX RESERVES	NET INVESTMENT POSITION % GDP	2021 FISCAL BALANCE % GDP	GOVT. DEBT % GDP	
1	Thailand			3.1%	219	8%	-4.9%	41%
2	Russia	25.2		1.9%		38%	-2.5%	
3	South Korea	16.9		3.4%	188	35%	-3.9%	42%
3	Taiwan				115		-1.2%	33%
5	Malaysia		6.8%	3%	115	6%		57%
6	Hungary		9.2%	-0.9%	105	-46%	-4.8%	86%
7	Chile		5%	-0.3%	87	-14%	5.6%	28%
7	South Africa	15.7		-0.9%	75	36%		62%
7	Turkey	36.4	4.2%	-3.2%	84	-56%	-4.7%	33%
10	Philippines		7.5%	0.8%	282	-4%		37%
11	India	31.8		1.1%	169	-13%	-6.3%	
12	Colombia	15.7	4.2%	-3.9%	139		6.6%	52%
12	Indonesia	33.8	5.1%	-1.1%	112	-26%	-6.6%	30%
12	Mexico			1.1%	115	-46%	-3.4%	54%
12	Poland	37	4%	2.7%	122	-45%	-5.4%	46%
16	Brazil	24.1		-0.5%	148	-22%		
17	China	11.4		1.5%	83	36%	-8.8%	42%

Nguồn: Bloomberg.
Ghi chú: Dữ liệu cập nhật đến 10/12/2020

Bảng 3: Bảng xếp hạng của Bloomberg dự báo triển vọng năm 2021 dựa trên chỉ số thị trường

Ranking Table		MARKET INDICATORS			
		FX RATES VALUATION	REAL INTEREST RATE	EQUITY FLOWS YEAR PERCENTAGE	DEBT FLOWS YEAR PERCENTAGE
1	Thailand		1.6%	1%	-1.3%
2	Russia		0.3%	0.6%	0%
3	South Korea	0.1	2.3%	1%	
3	Taiwan		1.7%		0%
5	Malaysia		1.7%	1.1%	-3%
6	Hungary		1.3%	0.6%	0%
7	Chile	-0.8		0%	0%
7	South Africa	-0.2		0.9%	0.7%
7	Turkey		0%	0.6%	
10	Philippines		-0.3%	0.6%	-0.5%
11	India	0.6	0.1%		0.6%
12	Colombia	-1.2	0.7%	0.6%	0%
12	Indonesia	-0.6	0%	0.1%	
12	Mexico	0.4		0.6%	0.3%
12	Poland		0.9%		0%
16	Brazil		0.5%	0.5%	-0.3%
17	China		1.9%		-0.6%

Nguồn: Bloomberg.
Ghi chú: Dữ liệu cập nhật đến 10/12/2020

các chính sách vĩ mô của Chính phủ không thể chủ quan với rủi ro lạm phát. Điều này đòi hỏi phải có sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ của chính sách tiền tệ và các chính sách vĩ mô khác, đặc biệt là chính sách tài khóa, chính sách quản lý giá của Nhà nước. ■

Nguồn: <https://www.imf.org/en/News/Articles/2020/04/07/sp040920-5Ms2020-Curtain-Raiser>

Cụ thể: IMF (12/2020): 6,5%; WB (10/2020): 4,5 - 6,8%; ADB (10/2020): 6,1%; Standard chartered (10/2020): 7,8%; HSBC (9/2020): 8,1%; ICAEW - Viện Kế toán Công chứng Anh và xứ Wales (9/2020): 8%; Fitch Ratings (4/2020): 7,3%...

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Các trang thông tin điện tử (website):

<https://www.spglobal.com/marketintelligence/en/news-insights/blog/commercial-real-estate-2020-review>

<https://www.bloomberg.com/graphics/2020-emerging-markets-recovery-ranking/>

<https://www.bondvigilantes.com/blog/2020/12/21/emerging-markets-outlook-seven-themes-for-2021/>

2. IMF: World economic outlook, October 2020.

3. Gregory Smith 2020: Emerging markets outlook: seven themes for 2021.